TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HSST
Ngày 26-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tòng Văn Quân.

Ông Lò Văn Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Sóng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2020/HSST ngày 08 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn T** (tên gọi khác: không); Sinh năm: 1993; Nơi sinh: huyện Đ, Điện Biên; Nơi cư trú: Bản M, xã M, huyện, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Lào; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn D (đã chết) và bà Lò Thị M, sinh năm: 1962; Vợ: Lường Thị N, sinh năm 1994 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 07/4/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản đến nay đã được xóa án tích.

Bị tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến 14/02/2020, tạm giam từ 14/02/2020 cho đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa*: Ông Đỗ Xuân T - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Bà Lường Thị N, sinh năm: 1994. Nơi cư trú: Bản M, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 05/02/2020, Lò Văn T từ nhà điều khiển xe máy nhãn hiệu Sirius, biển kiểm soát 27B1-163.13 đi tìm mua ma túy để sử dụng. Bị cáo điều khiển xe máy tới khu vực khe suối thuộc bản P, xã P, huyện Đ gặp một người đàn ông dân tộc Mông tên S, khoảng 25-30 tuổi hỏi mua được 01 gói ma túy được gói trong túi nilon màu trắng với giá 100.000đ, sau đó bị cáo cầm số ma túy mua được ở tay trái rồi điều khiển xe máy quay về nhà. Trên đường về tới bản N, xã M thì bị tổ công an đồn M đang làm nhiệm vụ yêu cầu dừng xe để kiểm tra phát hiện bắt quả tang thu giữ 01 gói bột trắng nghi là Heroine; một chiếc xe máy nhãn hiệu Sirius, biển kiểm soát 27B1-163.13.

Tại biên bản mở niêm phong hồi 14 giờ ngày 05/02/2020 xác định khối lượng gói chất bột màu trắng thu của Lò Văn T là 0,33 gam, trích 0,16 gam gửi giám định.

Tại bản kết luận giám định số: 162/GĐ-PC09 ngày 13/02/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: Số chất bột màu trắng thu giữ của Lò Văn T gửi giám định là ma túy loại Heroine. Heroine nằm trong danh mục các chất ma túy quy định tại Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Đối với người đàn ông dân tộc Mông tên S, khoảng 25-30 tuổi bị cáo khai đã bán ma túy cho bị cáo. Cơ quan điều tra chưa điều tra làm rõ được nên không đề cập xử lý trong vụ án.

Quá trình điều tra cơ quan điều tra cũng đã làm rõ chiếc xe máy biển kiểm soát 27B1-163.13, chủ xe là chị Phạm Thị Thu H trú tại Đội 6, xã T,huyện Đ, tỉnh Điện Biên, tuy nhiên chiếc xe trên chị H đã bán cho vợ chồng bị cáo Lò Văn T vào ngày 02/7/2016 giá 10.000.000đ.

Bản cáo trạng số: 24/CT-VKS -ĐBĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Lò Văn T về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; Đề xuất áp dụng những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối vi bị cáo và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Về xử lý vật chứng đối với số Heroine còn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy, riêng chiếc xe máy biển kiểm soát 27B1-163.13 bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội, nhưng là tài sản chung của vợ chồng, vợ bị cáo không biết bị cáo sử dụng phạm tội nên đề tịch

thu giá trị 1/2 chiếc xe máy sung ngân sách Nhà nước còn trả lại giá trị 1/2 chiếc xe máy trên cho vợ bị cáo là chị Lường Thị N.

Tại phiên tòa, người bào chữa nhất trí với Luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ cũng như đề xuất hình phạt chính, hình phạt bổ sung và án phí đối với bị cáo. Riêng về chiếc xe máy biển kiểm soát 27B1-163.13 người bào chữa cũng đồng ý với lập luận của đại diện Viện kiểm sát xác định là phương tiện bị cáo dùng phạm tội, là tài sản chung của vợ chồng, vợ bị cáo không biết bị cáo sử dụng phạm tội nhưng người bào chữa lập luận thêm chiếc xe trên là phương tiện duy nhất của gia đình và đề nghị Hội đồng xét xử tạo điều kiện trả lại cho vợ bị cáo sử dụng phục vụ cuộc sống, chăm sóc hai con nhỏ.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến gì tranh luận thêm với đại diện Viện kiểm sát, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Lường Thị N quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay đều có lời khai thống nhất thể hiện chiếc xe máy biển kiểm soát 27B1-163.13 mà bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội, là tài sản chung của hai vợ chồng mua của chị Phạm Thị Thu H vào ngày 02/7/2016 giá 10.000.000đ. Mục đích để sử dụng đi lại trong gia đình, chị không biết bị cáo sử dụng phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho chị sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét hành vi của bị cáo Lò Văn T: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; vật chứng thu giữ là 01 gói chất bột trắng có khối lượng 0,33gam qua kết luận giám định xác định là Heroine...Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 05/02/2020, tại khu vực bản N, xã M, huyện Đ, Lò Văn T đã có hành vi mua tàng trữ trái phép 0,33 gam Heroine với mục đích sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo tuy diễn ra đơn giản, chỉ vì nghiện chất ma túy nên mua sử dụng, nhưng bị cáo nhận thức rõ tác hại của chất ma túy đối với sức khỏe bản thân, làm suy giảm giống nòi, ảnh hưởng đến trật tự an ninh xã hội. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với hành vi mà mình đã thực hiện. Hội đồng xét xử kết luận, hành vi của bị cáo Lò Văn T đã cấu thành tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự quy định như sau:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroin, cocain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1gam đến dưới 05 gam"

Như vậy, Cáo trạng số 24/CT-VKS-ĐBĐ ngày 6/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là đúng quy định của pháp luật, không oan sai.

[2]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng:

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Ông nội bị cáo có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Đây là nhưng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Nhân thân bị cáo: Bản thân bị cáo sinh ra và lớn lên tại vùng sâu, vùng xa, có trình độ văn hóa nhất định (đã tốt nghiệp 12/12/phổ thông); bị cáo cũng đã lập gia đình riêng là bố của hai con nhỏ; năm 2015 từng bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên tuyên phạt 9 tháng tù cho hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản, đến nay đã được xóa án tích đây là bài học cho bị cáo về việc sống và làm việc theo pháp luật, bị cáo phải nỗ lực hơn nữa để làm chỗ dựa cho vợ con mới phải nhưng từ năm 2017 nghiện ma túy từ đó dẫn đến mua tàng trữ phạm tội như ngày hôm nay.

Như vậy, đề xuất về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo là có căn cứ cần chấp nhận.

[3].Về hình phạt :

Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo như đã phân tích ở các mục trên. Cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo nhằm cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục và răn đe phòng ngừa chung như đại diện Viện kiểm sát đã đề xuất.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự bị cáo có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy nghề nghiệp bị cáo làm ruộng, lại nghiện chất ma túy, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, khó có điều kiện để thi hành án. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo như đề xuất của đại diện Viện kiểm sát.

[4]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Điện Biên Đông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5]. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

Đối với 0,33 gam Heroine đã trích 0,16 gam gửi làm mẫu giám định không hoàn lại là loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 27B1-163.13, nhãn hiệu SIRIUS bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự lẽ ra phải tịch thu toàn bộ nộp ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên quá trình điều tra, xét xử xét thấy chiếc xe máy trên là tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân của bị cáo và vợ bị cáo là Lường Thị N, chị N không biết việc bị cáo sử dụng xe máy làm phương tiện phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình quyết định tịch thu 1/2 giá trị chiếc xe máy trên sung ngân sách Nhà nước và trả 1/2 giá trị chiếc xe máy cho chị Lường Thị N sở hữu, không chấp nhận đề xuất của người bào chữa trả lại chiếc xe trên cho chị Lường Thị N.

[6]. Về án phí:

Bị cáo bị kết án lẽ ra phải chịu án phí hình sự sơ thẩm tuy nhiên xét thấy bị cáo là dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[7]. Các vấn đề khác trong vụ án: Đối với người đàn ông dân tộc Mông tên S, khoảng 25-30 tuổi bị cáo khai đã bán ma túy cho bị cáo. Cơ quan điều tra chưa điều tra làm rõ được nên không đề cập xử lý trong vụ án. Hội đồng xét xử cần chấp nhận không đề cập xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1,2 Điều 51, điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lò Văn T** (Tên gọi khác: không) phạm tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*. Xử phạt bị cáo Lò Văn T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 05/02/2020).

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 0,17 gam Heroine (đã trừ giám định).

- Tịch thu 1/2 giá trị chiếc xe máy biển kiểm soát 27B1-163.13, nhãn hiệu SIRIUS, số khung RLCS5C630DY751931, số máy 5C63-751962 sung vào ngân sách Nhà nước. Trả lại 1/2 giá trị chiếc xe máy cho chị Lường Thị N, sinh năm: 1994. Cư trú: Bản M, xã M, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.

Vật chứng trên đã được niêm phong và bàn giao sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Điện Biên theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 07/5/2020 giữa cơ quan Công an huyện Đ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Điên Biên.

3. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn T.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/5/2020). Người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/5/2020).

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đ;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Nhà tạm giữ C.A huyện Đ;
- Phòng NVHS CA huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Phòng KTNV&THA TA tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan THAHS C.A tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu: Hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Nga